

Ai là người tuyển chọn chủ nhân các Huy chương Fields?

HỘI ĐỒNG TUYỂN CHỌN GIẢI THƯỞNG HUY CHƯƠNG FIELDS 2018

Đại Hội Các Nhà Toán Học Thế Giới ICM (the International Congress of Mathematicians) được Hội Toán Học Thế Giới IMU (the International Mathematical Union) tổ chức bốn năm một lần. Hội đồng tuyển chọn Huy Chương Fields do IMU chọn lựa. Đứng đầu Hội đồng này luôn luôn là vị Chủ tịch của IMU được công bố trước, nhưng danh sách các thành viên trong Hội đồng còn giữ kín cho tới một thời gian – thường là vài tuần tới một tháng - sau khi các Huy Chương Fields được trao.

Dưới đây là danh sách các thành viên Hội đồng tuyển chọn lần Đại hội 2018 (trích từ Website chính thức của IMU), sắp theo thứ tự abc của tên (family name). Chúng tôi bổ sung một số chi tiết của mỗi vị giám khảo thành viên. Nhận xét riêng của chúng tôi là chuyên ngành của Hội đồng giám khảo bao phủ gần như hết tất cả các lãnh vực Toán học.

2018

Shigefumi Mori (chair)

Hélène Esnault

Eduard Feireisl

Alice Guionnet

Nigel Hitchin

John Morgan

Hee Oh

Andrei Okounkov

M.S. Raghunathan

Kenneth A. Ribet

Terence Tao

1. Shigefumi Mori (1951), Nhật bản.



- Chủ tịch Hội Toán học Thế giới (IMU).
- Fields Medal 1990.
- Chuyên ngành: Hình-Đại số.
- Giáo sư Đại học Kyoto.

2. Hélène Esnault (1953), Pháp.



- Tiến sĩ 1976 Đại học Paris (Cố vấn: GS Lê Dũng Tráng¹)
- Chuyên ngành: Đại số, Hình-Đại số.
- Giải Leibniz 2003.
- Giáo sư Đại học Paris VII, Giáo sư Einstein Đại học Freie Berlin.

¹ Lê Dũng Tráng (1947 Saigon), học Trung học và Đại học ở Pháp. Làm Tiến sĩ dưới sự hướng dẫn của Claude Chevalley (một trong những người sáng lập nhóm Bourbaki) và Pierre Deligne (Fields Medal 1978), Giáo sư Đại học Paris VII, Đại học Bách Khoa Paris, Gs thỉnh giảng ĐH Harvard.

3. Eduard Feireisl (1957), Tiệp (Czech).



- Chuyên ngành: Phương trình đạo hàm riêng (PDE), Động lực học hệ thống, Cơ học lưu chất.
- Giải Neuron 1982.
- Viện Toán học Praha.

4. Alice Guionnet (1969), Pháp.



- Giáo sư ĐH Berkeley California, giáo sư Viện MIT, hiện là giáo sư trường Cao Đẳng Sư Phạm Cao cấp Paris (ENS).
- Giải Rollo Davidson 2003, giải Loève 2009, giải Simons Investigator 2012.
- Chuyên ngành: Lý thuyết Xác suất.

5. Nigel Hitchen (1946), Anh.



- Giáo sư Đại học Oxford.
- Chuyên ngành: Hình Vi phân, Hình-Đại số, Toán Vật lý.
- Giải Whitehead 1988, Huy chương Sylvester 2000, Giải Polya 2002, Giải Shaw 2010.

6. John Morgan (1946), Mỹ.



- Hàn Lâm Viện Khoa học (từ năm 2009).
- Chuyên ngành: Topology, Hình học.
- Đứng đầu tổ kiểm tra chứng minh *Dự đoán Poincaré* của Perelman là ĐÚNG, tuyên bố trước Đại Hội Các Nhà Toán Học Thế Giới ở Madrid năm 2006.
- Giáo sư Đại học Columbia.

7. Hee Oh (1969), Nam Hàn.



- BS Đại học Seoul, Ph.D Đại học Yale, nay trở về làm giáo sư trường cũ, Đại học Yale. Đã từng giảng dạy tại Đại học Princeton, Viện MIT.
- Chuyên ngành Động lực học hệ thống, Lý thuyết số.
- Giải thưởng: Satter 2015, Guggenheim Fellowship 2017, giải Ho-Am (giải thưởng Khoa học Quốc gia Nam Hàn 2018).

8. Andrei Okounkov (1969), Nga.



- Ph.D. Đại học Moscow 1995 (cố vấn: Giáo sư Alexander Kirillov).
- Chuyên ngành: Lý thuyết trình bày, Hình-Đại số, Xác suất.
- Giải thưởng: EMS prize 2004, Fields Medal 2006.
- Đã từng giảng dạy tại Đại học Columbia, Đại học Princeton, hiện là giáo sư Đại học Chicago.

9. Madabusi Santanam Raghunathan (1941), Ấn Độ.



- Ph.D. Đại học Bombay 1966.
- Chuyên ngành: Đại số Lie, Hình học Riemann.
- Giải thưởng: Shanti Swarup Bhatnagar 1977, TWAS 1991, Huy chương Ramanujan 1991, Padma Shi 2001, Padma Bhushan 2012.
- Hiện là Chủ tịch Viện Kỹ thuật Mumbai, Ấn độ.

10. Kenneth Ribet (1948), Mỹ.



- Một trong những người giúp Andrew Wiles rà soát lại chứng minh *định lý cuối cùng của Fermat*.
- Chuyên ngành: Lý thuyết số, Hình-Đại số.
- Giải thưởng: Fermat prize 1989, Huy chương Brouwer 2017.
- Hiện là giáo sư Đại học Berkeley, California.

11. Terence Tao (1975), Úc-Mỹ, gốc Tàu.

Đây là Giám khảo trẻ nhất trong Hội Đồng Giám Khảo năm 2018 và cũng là vị Giám khảo nổi bật nhất. Hãy xem qua những dấu mốc thời gian trong cuộc đời của ông:

LIFE AND TIMES OF TERENCE TAO

- **Age 7:** Begins high school
- **9:** Begins university
- **10,11,12:** Competes in the International Mathematical Olympiads winning bronze, silver and gold medals
- **16:** Honours degree from Flinders University
- **17:** Masters degree from Flinders University
- **21:** PhD from Princeton University
- **24:** Professorship at University of California in Los Angeles
- **31:** Fields Medal, the mathematical equivalent of a Nobel prize



SMH GRAPHIC 23.8.06

- Chuyên ngành: Mỗi nhà Toán học thường có một vài chuyên ngành, riêng Terence Tao, ông có không dưới 10 chuyên ngành. Nói một cách khác, mỗi khi vào ngành nào thì ông trở thành chuyên gia hàng đầu ngành đó. Xin kể ra đây vài chuyên ngành chính của ông: Giải tích điều hòa, Phương trình đạo hàm riêng (PDE), Đại số tổ hợp, Số học tổ hợp, Hình học tổ hợp, Lý thuyết số,...Năm 2004, cùng với Ben Green, ông khám phá ra *định lý Tao-Green* trong lý thuyết số.
- Hiện ông là giáo sư Đại học Los Angeles, California.

- Trong rất nhiều giải thưởng, xin chỉ kể ra đây vài giải thưởng mới nhất:



Fields Medal (2006)
MacArthur Award (2006)
SASTRA Ramanujan Prize (2006)
Sloan Fellowship (2006)
Fellow of the Royal Society (2007)
Alan T. Waterman Award (2008)
Onsager Medal (2008)
King Faisal International Prize (2010)
Nemmers Prize in Mathematics (2010)
Polya Prize (2010)
Crafoord Prize (2012)
Simons Investigator (2012)
Breakthrough Prize in Mathematics (2014)
Royal Medal (2014)
PROSE Award (2015)

Biên soạn bởi:
Lê Quang Ánh, Ph.D.